



AASCN



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	04 – 15 năm
-----------	-------------

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	207.638.903	2.463.124.144
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.300.713.909	219.249.370
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>2.508.352.812</u>	<u>2.682.373.514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	500.000.000	-	500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải Ô tô	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-	500.000.000	-

Thông tin chi tiết đầu tư vào đơn vị khác:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô Hà Nội	Số 11, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	10%	10%	- Bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, hoán cải phương tiện vận tải đường bộ. - Vận tải hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	19.257.868.942	6.457.725.799
- Công ty TNHH Kerry Integrated Logistics	13.980.000.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT	1.194.745.916	692.659.389
- Công ty Quảng cáo Hưng Yên	1.155.000.000	-
- Công ty TNHH dịch vụ chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	-	982.473.109
- Công ty TNHH Kart	-	941.050.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.928.123.026	3.841.543.301
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	19.257.868.942	6.457.725.799

c. Các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.194.745.916	692.659.389
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT	1.194.745.916	692.659.389
- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô	-	-
Cộng	1.194.745.916	692.659.389

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.925.696.907	(500.000.000)	3.450.295.873	-
- Tạm ứng	1.878.282.273	-	1.499.109.620	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	300.000.000	-
- Phải thu khác	1.047.414.634	(500.000.000)	1.651.186.253	-
+ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	-	-	334.740.400	-
+ Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	1.000.000.000	(500.000.000)	1.250.000.000	-
+ Phải thu khác	47.414.634	-	66.445.853	-
b. Dài hạn	300.000.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	-	-	-
Cộng	3.225.696.907	(500.000.000)	3.450.295.873	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.000.000.000	500.000.000	-	-
- Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	1.000.000.000	500.000.000	-	-
Cộng	1.000.000.000	500.000.000	-	-

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	114.782.795	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	10.229.500	-
- Hàng hoá	2.495.559.798	-	486.383.447	-
Cộng	2.610.342.593	-	496.612.947	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	157.997.631	786.310.090
+ Mua sắm container	-	666.721.675
+ Nhà làm việc 801	-	100.009.509
+ Nâng cấp công trình 83 Ngọc Hồi	-	19.578.906
+ Nhà vệ sinh Công ty	157.997.631	-
Cộng	157.997.631	786.310.090

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.791.383.657	210.562.002	25.425.656.244	94.893.182	37.522.495.085
- Mua trong năm	-	1.247.678.000	11.609.853.075	-	12.857.531.075
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.658.765.378	-	-	-	8.658.765.378
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.369.427.959)	-	-	-	(7.369.427.959)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.097.402.678)	(429.300.000)	(8.744.616.944)	-	(11.271.319.622)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.983.318.398	1.028.940.002	28.290.892.375	94.893.182	40.398.043.957
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.368.199.709	210.562.002	8.944.411.393	65.909.000	15.589.082.104
- Khấu hao trong năm	451.859.373	45.260.000	2.635.564.000	12.876.000	3.145.559.373
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.697.187.905)	-	-	-	(1.697.187.905)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.619.546.573)	(25.555.000)	(5.230.791.000)	-	(6.875.892.573)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.503.324.604	230.267.002	6.349.184.393	78.785.000	10.161.560.999
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	5.423.183.948	-	16.481.244.851	28.984.182	21.933.412.981
2. Tại ngày cuối năm	7.479.993.794	798.673.000	21.941.707.982	16.108.182	30.236.482.958

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.437.530.317 đồng.
 Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.683.324.120 đồng
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
 Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	7.369.427.959	-	7.369.427.959
- Nhà	-	7.369.427.959	-	7.369.427.959
II. Giá trị hao mòn lũy kế	-	1.896.795.288	-	1.896.795.288
- Nhà	-	1.896.795.288	-	1.896.795.288
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	-	5.472.632.671	-	5.472.632.671
- Nhà	-	5.472.632.671	-	5.472.632.671

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	934.301.168	636.485.791
- Chi phí bảo hiểm	594.200.500	500.199.904
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	79.690.476	14.108.433
- Phí bảo trì đường bộ	196.356.200	113.822.000
- Các khoản khác	64.053.992	8.355.454
b. Dài hạn	1.328.670.926	836.891.887
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	465.512.900	233.777.659
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	820.050.000	550.907.228
- Chi phí cho giai đoạn triển khai làm thủ tục xác định tiền thuê đất khu vực phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	43.108.026	52.207.000
Cộng	2.262.972.094	1.473.377.678

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
11. Vay và nợ thuê tài chính							
a. Vay ngắn hạn	-	-	29.313.383.636	(16.398.400.000)	12.914.983.636	12.914.983.636	
- <i>Vay ngân hàng</i>	-	-	18.537.020.000	(13.818.400.000)	4.718.620.000	4.718.620.000	
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai ^(a)	-	-	18.537.020.000	(13.818.400.000)	4.718.620.000	4.718.620.000	
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	7.040.000.000	(2.580.000.000)	4.460.000.000	4.460.000.000	
+ Công ty cổ phần ô tô TMT ^(b)	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	
+ Vay cá nhân ^(c)	-	-	4.040.000.000	(2.580.000.000)	1.460.000.000	1.460.000.000	
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	3.736.363.636	-	3.736.363.636	3.736.363.636	
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai ^(*)	-	-	3.616.363.636	-	3.616.363.636	3.616.363.636	
+ Công ty Ford thủ đô ^(**)	-	-	120.000.000	-	120.000.000	120.000.000	
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	4.330.791.667	4.330.791.667	15.375.000.000	(7.498.678.029)	12.207.113.638	12.207.113.638	
b.1. Vay dài hạn	4.330.791.667	4.330.791.667	15.375.000.000	(7.498.678.029)	12.207.113.638	12.207.113.638	
Từ 1 năm đến 5 năm	4.330.791.667	4.330.791.667	15.375.000.000	(7.498.678.029)	12.207.113.638	12.207.113.638	
- <i>Vay ngân hàng</i>	3.820.791.667	3.820.791.667	15.375.000.000	(7.258.678.029)	11.937.113.638	11.937.113.638	
+ Ngân hàng Vietinbank - CN Hoàng Mai ^(*)	3.820.791.667	3.820.791.667	15.375.000.000	(7.258.678.029)	11.937.113.638	11.937.113.638	
- <i>Vay đối tượng khác</i>	510.000.000	510.000.000	-	(240.000.000)	270.000.000	270.000.000	
+ Công ty Ford thủ đô ^(**)	510.000.000	510.000.000	-	(240.000.000)	270.000.000	270.000.000	
b.2. Nợ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-	
Cộng	4.330.791.667	4.330.791.667	44.688.383.636	(23.897.078.029)	25.122.097.274	25.122.097.274	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(a): Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 0304/2015-HĐTDHM/NHCT136-OTOS08 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ là 9,5%. Ngay sau khi Ngân hàng giải ngân, các tài sản hình thành từ vốn vay sẽ được đưa vào thế chấp toàn bộ cho khoản vay.

(b): Là số tiền vay Công ty Cổ phần Ô tô TMT, lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng theo Hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/2015-HĐHTV ngày 25/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô số 8 và Công ty Cổ phần Ô tô TMT

(c): Khoản vay cá nhân là các khoản vay có thời hạn vay 3 tháng và có lãi suất 9%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(*) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai, bao gồm 4 hợp đồng vay:

Hợp đồng tín dụng số 1009/2015-HDDTDDDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư cải tạo bãi xe, nhà kho, nhà xưởng với tổng giá trị vay không vượt quá 4.000.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 05/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị vay không vượt quá 5.000.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích Xây dựng nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất cho Trung tâm vận tải Tứ Kỳ với tổng giá trị vay 900.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 08/2014-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị không vượt quá 9.000.000.000 đồng và thời hạn cho vay các khoản nợ là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.

Các khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản đảm bảo vào theo các hợp đồng bảo đảm, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 143/2015/HĐTC ký ngày 14/01/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 1119/2015/HĐTC ký ngày 26/3/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 1302/2015/HĐTC ký ngày 13/2/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 3428/2015/HĐTC ký ngày 12/08/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội

Tổng nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản thế chấp lần lượt là 18.998.448.317 đồng và 17.437.530.317 đồng.

(**) Là số tiền vay Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô, lãi suất 0% theo Hợp đồng liên kết số 04/2002/HĐ-LK giữa Công ty Vận tải Ô tô số 8 và Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô ngày 26 tháng 7 năm 2002.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP ô tô TMT	9.770.944.426	9.770.944.426	77.240.350	77.240.350
- Công ty Ninh Hải	5.646.954.226	5.646.954.226	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.430.000.000	1.430.000.000	-	-
b) Phải trả người bán dài hạn	2.693.990.200	2.693.990.200	77.240.350	77.240.350
Cộng	9.770.944.426	9.770.944.426	77.240.350	77.240.350

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP ô tô TMT	5.646.954.226	5.646.954.226	-	-
- Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật và Vận tải Ô tô	-	-	77.240.350	77.240.350
Cộng	5.646.954.226	5.646.954.226	77.240.350	77.240.350

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm		
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.046.894.271	1.046.894.271	847.148.526	-	-	-	-	199.745.745	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	337.711.670	168.259.288	968.008.130	462.037.172	-	462.037.172	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.000.000	36.620.755	1.003.000	-	-	-	-	36.617.755	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	45.528.851	-	13.989.475.924	13.948.169.941	4.222.868	-	4.222.868	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	45.528.851	338.711.670	15.241.250.238	15.764.329.597	466.260.040	466.260.040	466.260.040	236.363.500	236.363.500	236.363.500

Đơn vị tính: VND

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a) Ngắn hạn</i>	<u>292.590.404</u>	<u>52.315.482</u>
- Kinh phí công đoàn	40.518.068	15.304.112
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	7.416.530
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	252.072.336	29.594.840
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
	<u>292.590.404</u>	<u>52.315.482</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	7.250.000.000	-	1.915.610.163	2.725.789.849	31.891.400.012
Tăng vốn trong năm trước	7.249.450.000	-	-	-	-	7.249.450.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.044.515.314	4.044.515.314
Tăng khác	-	-	435.820.928	-	-	435.820.928
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	260.000.000	(2.725.789.849)	(2.465.789.849)
Giảm khác	-	(7.249.450.000)	-	(435.820.928)	-	(7.685.270.928)
Số dư cuối năm trước	27.249.450.000	550.000	435.820.928	1.739.789.235	4.044.515.314	33.470.125.477
Số dư đầu năm nay	27.249.450.000	550.000	435.820.928	1.739.789.235	4.044.515.314	33.470.125.477
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	235.361.397	235.361.397
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	400.000.000	(4.044.515.314)	(3.644.515.314)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	27.249.450.000	550.000	435.820.928	2.139.789.235	235.361.397	30.060.971.560

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Vốn góp của công ty CP Ô tô TMT	14.760.410.000	54%	14.760.410.000	54%
- Vốn góp của các đối tượng khác	12.489.040.000	46%	12.489.040.000	46%
+ Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	6.433.260.000	23,61%	6.433.260.000	23,61%
+ Các đối tượng khác	6.055.780.000	22,22%	6.055.780.000	22,22%
Cộng	27.249.450.000	100%	27.249.450.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.249.450.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	7.249.450.000
+ Vốn góp cuối năm	27.249.450.000	27.249.450.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.907.461.500	1.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.907.461.500	1.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.724.945	2.724.945
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.724.945	2.724.945
+ Cổ phiếu phổ thông	2.724.945	2.724.945
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.724.945	2.724.945
+ Cổ phiếu phổ thông	2.724.945	2.724.945
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.139.789.235	1.739.789.235
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	2.139.789.235	1.739.789.235

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý đến thời điểm 31/12/2015 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Giá trị nợ khó đòi đã xóa</u>	<u>Nguyên nhân đã xóa</u>
Công ty CP Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Đông Nam Á (Tiền mua xe ô tô)	150.052.500	Khách hàng đã giải thể
Cộng	150.052.500	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	94.143.909.087	39.748.363.641
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.920.858.008	47.703.792.968
Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.825.046.649	-
Cộng	154.889.813.744	87.452.156.609

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan:		
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT	22.892.889.688	5.686.941.811
- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô	400.124.000	2.846.618.967

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	89.323.495.452	39.393.827.134
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.867.673.448	38.741.284.610
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	10.722.827.927	-
Cộng	145.913.996.827	78.135.111.744

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.889.073	272.007.701
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	25.000.000
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	384.730.000	284.655.000
Cộng	431.619.073	581.662.701

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	1.491.386.367	80.485.597
Cộng	1.491.386.367	80.485.597

Đơn vị tính: VND

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Bán thanh lý tài sản	3.862.443.548	-
- Thu nhập khác	351.627.750	-
Cộng	4.214.071.298	-

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế đất bổ sung của những năm trước	5.009.129.819	-
- Chi phí khác	28.326.795	-
Cộng	5.037.456.614	-

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành ⁽ⁱ⁾	168.259.288	1.133.709.448
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	168.259.288	1.133.709.448

⁽ⁱ⁾ :Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Hoạt động khác ngoài chuyển nhượng BDS	Hoạt động chuyển nhượng BDS
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(361.194.262)	764.814.947
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	30.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(391.194.262)	764.814.947
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	168.259.288

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	235.361.397	4.044.515.314
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(737.053.814)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	235.361.397	3.307.461.500
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.724.945	2.724.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	86	1.214

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	235.361.397	4.044.515.314
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(737.053.814)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	235.361.397	3.307.461.500
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.724.945	2.724.945
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	86	1.214

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.809.044.978	12.796.421.127
- Chi phí nhân công	13.023.589.014	10.700.264.780
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.362.845.775	2.295.149.968
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.590.022.434	11.353.992.040
- Chi phí khác bằng tiền	17.540.675.761	6.235.453.902
Cộng	70.326.177.962	43.381.281.817

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	650.466.000	674.973.000
Phụ cấp	-	48.000.000
Cộng	650.466.000	722.973.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ô tô TMT	Công ty mẹ chiếm 54,17% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Vật tư và Kỹ thuật Vận tải Ô tô	Ông Phạm Văn Đức là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư và Kỹ thuật Vận tải Ô tô

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Ô tô TMT		
Mua hàng hóa	85.579.704.544	37.465.909.068
Mua tài sản	10.672.727.275	4.863.636.365
Phí điều chuyển xe	-	5.517.790
Tiền chiết khấu thanh toán nhận được	384.730.000	284.655.000
Cổ tức trả trong năm	1.574.895.200	866.666.400
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô		
Bán tài sản cố định	1.631.017.727	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các số dư với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh tại số V.03 và V.12.

03. Thay đổi chính sách kế toán**Thay đổi chính sách kế toán**

Trong năm, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Điều chỉnh hồi tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.484	(270)	1.214

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Dịch vụ	Thương mại	Kinh doanh BĐS	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	48.920.858.008	94.143.909.087	11.825.046.649	154.889.813.744
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	48.315.080.862	94.033.316.794	11.314.410.087	153.662.807.743
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	605.777.146	110.592.293	510.636.562	1.227.006.001
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	4.385.026.634	8.438.599.925	1.059.939.392	13.883.565.951
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.112.341.306	2.140.603.478	268.872.795	3.521.817.579
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.058.802.427	38.601.409.480	4.848.571.429	63.508.783.336
- Tài sản không phân bổ				3.008.352.812
Tổng tài sản	19.134.098.044	31.902.291.886	5.472.632.671	66.517.136.148
- Nợ phải trả bộ phận	11.495.861.343	22.122.778.896	2.778.755.365	36.397.395.604
- Nợ phải trả không phân bổ				58.768.984
Tổng nợ phải trả	11.495.861.343	22.122.778.896	2.778.755.365	36.456.164.588

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Dịch vụ	Thương mại	Kinh doanh BĐS	Đơn vị tính: VND Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	47.703.792.968	39.748.363.641	-	87.452.156.609
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	43.003.808.731	39.270.123.116	-	82.273.931.847
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.699.984.237	478.240.525	-	5.178.224.762
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	715.716.440	596.358.394	-	1.312.074.834
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.468.496.156	1.223.599.122	-	2.692.095.278
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	19.623.379.691	16.828.702.945	-	36.452.082.636
- Tài sản không phân bổ				2.682.373.514
Tổng tài sản	19.623.379.691	16.828.702.945	-	39.134.456.150
- Nợ phải trả bộ phận	2.939.517.148	2.449.302.021	-	5.388.819.169
- Nợ phải trả không phân bổ				275.511.504
Tổng nợ phải trả	2.939.517.148	2.449.302.021	-	5.664.330.673

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TÀI Ô TÔ SỐ 8Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.508.352.812	-	2.682.373.514	-	2.508.352.812	2.682.373.514
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.605.283.576	(500.000.000)	8.108.912.052	-	20.105.283.576	8.108.912.052
Đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	23.613.636.388	(500.000.000)	11.291.285.566	-	23.113.636.388	11.291.285.566

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	9.770.944.426	77.240.350	9.770.944.426	77.240.350
Vay và nợ	25.122.097.274	4.330.791.667	25.122.097.274	4.330.791.667
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	252.072.336	29.594.840	252.072.336	29.594.840
Cộng	35.145.114.036	4.437.626.857	35.145.114.036	4.437.626.857

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

01. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (xem thuyết minh số V.07 và V.09). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Phương tiện vận tải gồm:		
+ 15 xe ô tô đầu kéo	13.323.774.227	Điều khoản và điều kiện thế chấp được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số: 1009/2015-HDDTDDDDA/NHCT136-OTO8; 05/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8;
+ 15 chiếc somi romooc	4.113.756.090	01/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8; 08/2014-HDTDDA/NHCT 136- OTO8 ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.
Cộng	17.437.530.317	
Số đầu năm		
Phương tiện vận tải gồm:		
+ 05 xe ô tô đầu kéo	4.945.149.737	Điều khoản và điều kiện thế chấp được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số 08/2014-HDTDDA/NHCT 136- OTO8
+ 10 chiếc somi romooc	3.043.039.180	ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.
Cộng	7.988.188.917	

02. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

03. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	9.770.944.426	-	-	9.770.944.426
Vay và nợ	12.914.983.636	12.207.113.638	-	25.122.097.274
Các khoản phải trả khác	252.072.336	-	-	252.072.336
Cộng	22.938.000.398	12.207.113.638	-	35.145.114.036
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	77.240.350	-	-	77.240.350
Vay và nợ	-	4.330.791.667	-	4.330.791.667
Các khoản phải trả khác	29.594.840	-	-	29.594.840
Cộng	106.835.190	4.330.791.667	-	4.437.626.857

04. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

05. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	1.499.109.620	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
3	Quỹ dự phòng tài chính	768.642.260	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Hồng Vân

Phạm Quang Vinh

Phạm Văn Đức